

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo Ban Điều hành	03 - 04
2. Báo cáo soát xét	05 - 05
3. Báo cáo tài chính	
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012	06 - 09
- Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 11
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12 - 12
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 25

205
CÔNG
HÀNH
H VỤ
HÌNH
KIỂM
HÓA
TP. H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán PHÚ GIA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho giai đoạn cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30/06/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán PHÚ GIA là Công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005804 ngày 27 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006; Giấy phép điều chỉnh số 63/UBCK-GP ngày 21/08/2007; Giấy phép số 326/UBCK-GP ngày 25/05/2010; Giấy phép số 364/UBCK-GP ngày 01/11/2010 và Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 10/03/2011 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8-9, Tòa nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, TP. HCM

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm :

Ông Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch
Ông Chu Việt Cường	Thành viên
Ông Phạm Văn Đầu	Thành viên

Thành viên Ban Giám đốc bao gồm :

Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng
- ❖ Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- ❖ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

1800-
TY
HỮU H
TƯ VẤN
KẾ TO
TOÁN
NAM
Ổ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA

Địa chỉ : Lầu 8-9, Tòa nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Ban Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán PHÚ GIA phê duyệt Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30/06/2012 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2012

**Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Nguyễn Quang Trung

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2012

**Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc**



Nguyễn Quang Trung



Số: ~~458~~ BCKT/TC**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi : - Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Chứng khoán PHÚ GIA
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chứng khoán PHÚ GIA**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA** lập ngày 11/07/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc ngày 30/06/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2012 của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán PHÚ GIA kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 30 tháng 7 năm 2012

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)****Ban Giám đốc****Lê Văn Tuấn****Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV****Kiểm toán viên****Võ Thị Mỹ Hương****Chứng chỉ KTV số: 0858/KTV**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối kỳ	Đơn vị : VND
				Số đầu năm
TÀI SẢN				
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		344.352.483.896	342.193.051.177
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.1	12.147.352.406	58.541.615.779
1. Tiền	111		12.147.352.406	58.541.615.779
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	III.2	44.243.081.866	25.700.269.586
1. Đầu tư ngắn hạn	121		50.567.871.866	34.805.069.186
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn (*)	129		(6.324.790.000)	(9.104.799.600)
III. Các khoản phải thu	130	III.3	287.072.257.733	257.017.937.876
1. Phải thu khách hàng	131		82.179.213	319.239.241
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Phải thu nội bộ	133		0	0
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	138		286.990.078.520	256.698.698.635
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	III.4	889.791.891	933.227.936
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		180.380.835	241.107.836
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		709.411.056	692.120.100

0806
 CÔNG TY
 NHIỆM VỤ
 TÍNH KIỂM
 KIỂM T
 GIÁ N
 P. HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.677.668.968	6.524.860.131
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	III.9	0	3.613.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	3.613.000.000
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		923.645.382	1.244.473.400
1. Tài sản cố định hữu hình	221	III.7	906.795.380	1.210.773.400
- Nguyên giá	222		6.345.611.078	6.345.611.078
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.438.815.698)	(5.134.837.678)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	III.8	16.850.002	33.700.000
- Nguyên giá	228		445.231.164	445.231.164
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(428.381.162)	(411.531.164)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		0	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		0	0
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		0	0
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260	III.10	1.754.023.586	1.667.386.731
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		705.370.390	865.878.370
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		1.045.653.196	798.508.361
4. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	3.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		347.030.152.864	348.717.911.308



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Chi tiêu	Mã số	T.minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		232.359.388.328	222.282.437.822
I Nợ ngắn hạn	310		232.359.388.328	222.282.437.822
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		2.850.000.000	2.850.000.000
2. Phải trả người bán	312		19.038.383.759	1.796.904.800
3. Người mua trả trước	313		709.005.500	788.570.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.11	658.872.981	896.355.913
5. Phải trả công nhân viên	315		540.695.368	406.155.490
6. Chi phí phải trả	316		6.836.059.072	5.509.500.000
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	III.12	190.793.697.317	204.035.759.642
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		10.932.178.234	5.998.874.560
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		496.097	316.917
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		0	0
12. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	323		0	0
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	327			
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		0	0
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		0	0
II Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			0
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			0
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.670.764.536	126.435.473.486
I. Vốn chủ sở hữu	410		114.670.764.536	126.435.473.486
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		155.000.000.000	155.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		0	0
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(40.329.235.464)	(28.564.526.514)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		347.030.152.864	348.717.911.308



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		
3. Tài sản nhận ký cược	003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5. Ngoại tệ các loại	005		
6. Chứng khoán lưu ký	006	509.693.310.000	619.868.840.000
Trong đó			
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	007		
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	3.416.410.000	
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	441.255.920.000	569.255.920.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	837.040.000	1.649.920.000
Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012		
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	54.289.680.000	48.963.000.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		
<i>Chứng khoán cầm cố</i>	017		
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		
Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		
Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		
<i>Chứng khoán tạm giữ</i>	022		
Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		
Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		
Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		
Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		
<i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027		
Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	9.824.100.000	
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		
Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031		
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	032		
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036		
<i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037		
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	70.160.000	
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		
Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046		
<i>Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</i>	047		
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		
Trong đó :			
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	051		
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		
Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	056		
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		

ABACUS
 CÔNG TY
 NHIỆM VỤ
 TÍNH KẾ
 KIỂM T
 GIÁ NI
 P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA

Địa chỉ : Lầu 8-9, Tòa nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060
<i>Chứng khoán cầm cố</i>	061
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063
Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064
Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065
<i>Chứng khoán tạm giữ</i>	066
Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067
Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068
Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069
Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070
<i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	071
Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074
Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	075
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	076
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079
Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	080
<i>Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</i>	081
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084

28.400.000

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Hồng Loan

TP. HCM, ngày 11 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Trung



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6 tháng đầu năm 2011

(Theo phương pháp giá trị tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Đơn vị: VND Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(11.764.708.950)	(2.148.399.996)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	320.828.018	385.679.716
Các khoản dự phòng	03	(2.780.009.600)	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		
Chi phí lãi vay	06		
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi</i>	08	(14.223.890.532)	(1.762.720.280)
<i>Vốn lưu động</i>			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(26.441.319.857)	(21.788.006.070)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.762.802.680)	(65.600.000.000)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	10.076.950.506	(16.453.002.206)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	221.234.981	111.267.852
Tiền lãi vay đã trả	13		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(264.435.791)	(460.130.253)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(46.394.263.373)	(105.952.590.957)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(166.441.750)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(166.441.750)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		112.000.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		112.000.000.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ (20+30+40)	50	(46.394.263.373)	5.880.967.293
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	58.541.615.779	19.219.105.273
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	12.147.352.406	25.100.072.566

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Hồng Loan

TP. HCM, ngày 11 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Trung

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2012

STT	CHỈ TIÊU	TM	Số dư đầu năm			Số tăng / Giảm			Số dư cuối năm		
			Năm trước	Năm nay	Tăng	Năm trước	Giảm	Tăng	Năm nay	Giảm	Năm trước
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		43.000.000.000	155.000.000.000	112.000.000.000					155.000.000.000	155.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần			0						0	0
3	Vốn khác của chủ sở hữu			0						0	0
4	Cổ phiếu quỹ			0						0	0
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản			0						0	0
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			0						0	0
7	Quỹ đầu tư phát triển			0						0	0
8	Quỹ dự phòng tài chính			0						0	0
9	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			0						0	0
10	Lợi nhuận chưa phân phối		(4.519.476.585)	(28.564.526.514)	(24.045.049.929)		(11.764.708.950)		(11.764.708.950)	(28.564.526.514)	(40.329.235.464)
	Cộng		38.480.523.415	126.435.473.486	87.954.950.071	0	(11.764.708.950)	0	(11.764.708.950)	126.435.473.486	114.670.764.536

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đoàn Thị Hồng Loan



Nguyễn Quang Trung



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2011****I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán PHÚ GIA là Công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005804 ngày 27 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 47/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006; Giấy phép điều chỉnh số 63/UBCK-GP ngày 21/08/2007; Giấy phép số 326/UBCK-GP ngày 25/05/2010; Giấy phép số 364/UBCK-GP ngày 01/11/2010 và Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 10/03/2011 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8-9, Tòa nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, TP. HCM

Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh chứng khoán.

Loại hình kinh doanh (Theo Giấy phép số 47/UBCK-GPHĐKD) :

- Môi giới chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

Theo Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 10/03/2011 thì vốn góp cổ phần của Công ty tại ngày 30/06/2012 là 155.000.000.000 VND, gồm có các cổ đông góp vốn dưới đây:

STT	Tên	Quốc tịch	Số CP phổ thông nắm giữ	Tỷ lệ	Giá trị (nghìn đồng)
1	Nguyễn Bích Hà	Việt Nam	230.050	1,48	2.300.500.000
2	Lê Thị Vân	Việt Nam	86.000	0,55	860.000.000
3	Nguyễn Quang A	Việt Nam	210.700	1,36	2.107.000.000
4	Công ty Cổ phần Sovico	Việt Nam	2.498.150	16,12	24.981.500.000
5	Lưu Đức Khánh	Việt Nam	421.400	2,72	4.214.000.000
6	Lưu Văn Sơn	Việt Nam	421.400	2,72	4.214.000.000
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Việt	Việt Nam	1.401.800	9,04	14.018.000.000
8	Chu Việt Cường	Việt Nam	421.400	2,72	4.214.000.000
9	Nguyễn Quang Trung	Việt Nam	7.070.000	45,61	70.700.000.000
10	Lê Quang Minh	Việt Nam	421.400	2,72	4.214.000.000
11	Phạm Văn Đầu	Việt Nam	607.900	3,92	6.079.000.000
12	HD Bank	Việt Nam	759.500	4,90	7.595.000.000
13	Lê Hồng Sơn	Việt Nam	421.400	2,72	4.214.000.000
14	Tán Thiệp	Việt Nam	107.500	0,69	1.075.000.000
15	Nguyễn Minh Đức	Việt Nam	421.400	2,72	4.214.000.000
	Cộng		15.500.000	100,00	155.000.000.000



Các thành viên của Hội đồng Quản trị :

Ông Nguyễn Quang Trung	Chủ tịch
Ông Chu Việt Cường	Thành viên
Ông Phạm Văn Đầu	Thành viên

Thành viên Ban Giám đốc bao gồm :

Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU :

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng :

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi qui định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán đang áp dụng.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 25/03/2006 và Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Hình thức kế toán áp dụng : Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền :

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

Các khoản đầu tư vào Công ty con : không phát sinh.

Các khoản vốn góp liên doanh : không phát sinh.

Các khoản đầu tư chứng khoán : chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác : không phát sinh.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn :

- + Đối với cổ phiếu đã niêm yết : không trích lập dự phòng do đã bán hết
- + Đối với cổ phiếu chưa niêm yết : Năm 2012 chưa trích lập dự phòng

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu :

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị sổ kế toán các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi (nếu có).



Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình :

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình (nếu có) được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình :

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình (nếu có) được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao và khấu trừ :

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo qui định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định

Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Dụng cụ quản lý	03 năm
Phần mềm vi tính, bản quyền phần mềm	03 năm

Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của Hợp đồng thuê.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo vốn thực góp.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn khác của chủ sở hữu : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng tài chính : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Lợi nhuận chưa phân phối : Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận căn cứ lợi nhuận phát sinh lũy kế năm trước cộng lợi nhuận phát sinh kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ khen thưởng phúc lợi : không phát sinh.



Nguyên tắc ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng đúng nguyên tắc này khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ :

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán :

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi :

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức :

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Nguyên tắc ghi nhận Chứng khoán và Dự phòng giảm giá chứng khoán:

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của cổ phiếu một cách tin cậy chắc chắn, dự phòng được lập dựa trên chênh lệch giá trị ghi sổ và giá trị theo sổ sách của mỗi cổ phiếu trên báo cáo tài chính của đơn vị phát hành.

Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế phải nộp trong kỳ kế toán được tính bằng thuế suất thuế thu nhập hiện hành và lợi nhuận tính thuế phát sinh trong kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : không phát sinh.

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ (*)		0
Tiền gửi ngân hàng (**)	12.147.352.406	58.541.615.779
Tiền đang chuyển	0	0
Các khoản tương đương tiền (***)	0	0
Tổng	<u>12.147.352.406</u>	<u>58.541.615.779</u>

(*) Số liệu tiền mặt được trình bày tại phần thuyết minh này căn cứ vào sổ quỹ tiền mặt, Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt và sổ kế toán tài khoản tại ngày 30/06/2012

(**) Số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 30/06/2012 phù hợp giữa sổ kế toán chi tiết của Công ty với số phụ các Ngân hàng giao dịch, bao gồm :



Tiền gửi của Công ty	1.243.703.901
Tiền gửi ngân hàng tại BIDV	16.553.907
Tiền gửi ngân hàng tại HBD	160.185
Tiền gửi ngân hàng tại VCB-037.100.3704 379	336.082.987
Tiền gửi ngân hàng tại PNB-1865368	19.412.228
Tiền gửi ngân hàng tại HDB-NĐC	834.814.631
Tiền gửi ngân hàng tại HBD- Hội sở	27.998.178
Tiền gửi ngân hàng tại Vietinbank - CN HCM	8.681.785
Tiền gửi của Nhà đầu tư	5.722.504.077
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại VCB	433.616.839
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại PNB	3.937.636
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại Eximbank	140.000
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại Đông Á	194.271.210
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại VCB - Hà Nội	6.427.611
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại ACB	402.075.145
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại HDBank-Hà Nội	42.643.117
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại VCB-HCM	588.069
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại VCB-Vĩnh Lộc	199.829.886
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại Hdbank- Hội Sở	71.950.356
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại VCB-Nha trang	10.605.820
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại HDBank-Nha Trang	1.341.264.811
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại HDBank-Nguyễn Đình Chiểu	2.948.605.006
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại Mê Kông Bank	1.853.719
Tiền gửi của người đầu tư về GDCK tại Sacombank	64.694.852
Tiền gửi thanh toán bù trừ	5.181.144.428
Tiền gửi TTBT giao dịch chứng khoán của công ty chứng khoán	18.196.195
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của người đầu tư	5.107.106.389
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của người uỷ thác đầu tư	31.499.372
Tiền gửi TTBT sửa lỗi giao dịch upcom	266.014
Tiền gửi TTBT giao dịch upcom	24.076.458
Cộng	12.147.352.406

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn	50.567.871.866	34.805.069.186
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	50.567.871.866	34.805.069.186
- Đầu tư ngắn hạn khác	0	0
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (***)	(6.324.790.000)	(9.104.799.600)
Tổng	44.243.081.866	25.700.269.586

(*) Đầu tư chứng khoán ngắn hạn là tổng giá trị cổ phiếu tự doanh mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30/06/2012.

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn là khoản trích lập dự phòng năm 2011 trừ những khoản dự phòng của chứng khoán đã bán trong 6 tháng đầu năm 2012.



3. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	82.179.213	319.239.241
Trả trước cho người bán	0	0
Phải thu nội bộ		
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	0	0
Phải thu khác (*)	286.990.078.520	256.698.698.635
Dự phòng phải thu khó đòi	0	0
Tổng	287.072.257.733	257.017.937.876

(*) Phải thu khác tại ngày 30/06/2012 bao gồm

Các khoản phải thu về ứng trước tiền bán chứng khoán	2.972.073.741
Phải thu Ủy thác mua trái phiếu (CTCP Vàng Phú Gia)	15.700.000.000
Phải thu tiền hợp tác mua CKNY	252.003.633.449
Phải thu tiền hợp tác đầu tư	14.603.500.000
Các khoản phải thu khác	1.629.606.363
Lãi tiền gửi của nhà đầu tư	81.264.967
Cộng Phải thu khác	286.990.078.520

4. Tài sản ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	180.380.835	241.107.836
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	0	0
Các khoản thuế phải thu	0	0
Tài sản ngắn hạn khác (**)	709.411.056	692.120.100
Tổng	889.791.891	933.227.936

(*) Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí dụng cụ văn phòng, thuê văn phòng

(**) Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng và khoản ký quỹ, bao gồm :

Tạm ứng	704.411.056
Ký quỹ ngắn hạn (số dư từ 2010)	5.000.000
Cộng Tài sản ngắn hạn khác	709.411.056

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ :

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a. Cửa Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu niêm yết	104.132	1.596.211.000
- Chứng chỉ quỹ niêm yết		
- Trái phiếu niêm yết		
- Cổ phiếu chưa niêm yết	150.000	19.502.508.000
- Trái phiếu chưa niêm yết		
b. Cửa nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	105.940.098	1.384.258.150.000
- Trái phiếu		
- Chứng chỉ quỹ		
Tổng	106.194.230	1.405.356.869.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA

Địa chỉ : Lầu 8-9, Tòa nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

6. Tình hình đầu tư tài chính :

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo Giá thị trường		Ghi chú
	Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ	Tăng		Giảm		Đầu năm	Cuối kỳ	
					Đầu năm	Cuối kỳ	Đầu năm	Cuối kỳ			
I. Chứng khoán thương mại											
- Cổ phiếu											
- Trái phiếu											
- Chứng chỉ quỹ											
- Chứng khoán khác											
II. Chứng khoán đầu tư											
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán											
- Cổ phiếu	1.378.296	1.531.817	23.959.280.245	40.567.871.866			9.104.799.600	6.324.790.000	14.795.269.586	34.243.081.866	
- Trái phiếu	10	10	10.000.000.000	10.000.000.000							
- Chứng chỉ quỹ											
- Chứng khoán khác											
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn											
- Cổ phiếu											
- Trái phiếu											



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA

Địa chỉ : Lầu 8-9, Tòa nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

- Chứng chỉ quỹ											
- Chứng khoán khác											
III. Đầu tư góp vốn											
- Đầu tư vào công ty con											
- Đầu tư vào công ty liên doanh. liên kết											
IV. Đầu tư tài chính khác											

- Lý do thay đổi giá trị hợp lý
- Chi tiết giá trị chứng khoán dùng để cầm cố thế chấp cho các khoản nợ
- Chi tiết các chứng khoán đang thực hiện hợp đồng Repo
 - + Giá trị ghi sổ
 - + Thời hạn
 - + Giá trị mua. bán lại của hợp đồng Repo



7. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	4.088.446.049	1.022.035.900	1.147.129.129	88.000.000	6.345.611.078
- Mua trong năm					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	4.088.446.049	1.022.035.900	1.147.129.129	88.000.000	6.345.611.078
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.232.546.228	667.162.321	1.147.129.129	88.000.000	5.134.837.678
- Khấu hao trong năm	218.808.361	85.169.659			303.978.020
- Tăng khác					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	3.451.354.589	752.331.979	1.147.129.129	88.000.000	5.438.815.697
Giá trị còn lại của TSCĐHH					
Tại ngày đầu năm	855.899.821	354.873.580	0	0	1.210.773.401
Tại ngày cuối kỳ	637.091.460	269.703.921	0	0	906.795.381

8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình Khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	445.231.164	0	445.231.164
- Mua trong năm			
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			
- Tăng do hợp nhất kinh doanh			
- Tăng khác			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ	445.231.164	0	445.231.164
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	411.531.164	0	411.531.164
- Khấu hao trong năm	16.849.998		16.849.998
- Tăng khác			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối kỳ	428.381.162	0	428.381.162
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày đầu năm	33.700.000	0	33.700.000
- Tại ngày cuối kỳ	16.850.002	0	16.850.002



9. Các khoản phải thu dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng dài hạn (CTCP Việt Nga)		3.613.000.000
Vốn kinh doanh ở các đơn vị phụ thuộc		0
Phải thu nội bộ dài hạn		0
Phải thu dài hạn khác		0
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		0
Tổng	0	3.613.000.000

10. Tài sản dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	705.370.390	865.878.370
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán (*)	1.045.653.196	798.508.361
Tài sản dài hạn khác	3.000.000	3.000.000
Tổng	1.754.023.586	1.667.386.731

(**) Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán bao gồm :

Tiền nộp ban đầu	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	811.380.066
<i>Tiền nộp bổ sung từ 2006 đến 2011</i>	<i>628.503.660</i>
<i>Tiền nộp bổ sung năm 2012</i>	<i>182.876.406</i>
Tiền lãi phân bổ	114.273.130
<i>Tiền lãi phân bổ đến năm 2011</i>	<i>50.004.701</i>
<i>Tiền lãi phân bổ năm 2012</i>	<i>64.268.429</i>
Cộng tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	1.045.653.196

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế Giá trị gia tăng	1.500.000	9.150.000
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	0	0
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	0	0
- Thuế thu nhập cá nhân	657.372.981	887.205.913
- Thuế tài nguyên	0	0
- Thuế nhà đất	0	0
- Tiền thuê đất	0	0
- Thuế khác (Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư)	0	0
- Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	0	0
Tổng	658.872.981	896.355.913

Thuế TNCN của nhân viên	621.489.847
Thuế TNCN chuyển nhượng chứng khoán 0.1%	31.887.050
Thuế TNCN không thường xuyên 10%	2.106.202
Thuế TNCN không thường xuyên 10% - NĐT	918.342
Thuế TNCN nhà đầu tư nước ngoài	971.540
Cộng thuế thu nhập cá nhân	657.372.981

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



12. Các khoản phải trả phải nộp khác :

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	106.659.811	107.098.163
Kinh phí công đoàn	31.887.000	31.887.000
Bảo hiểm y tế		
Bảo hiểm xã hội	31.635.284	460.189.500
Các khoản phải nộp khác	190.623.515.222	203.436.584.979
Tổng	190.793.697.317	204.035.759.642

13. Cân đối phải thu và phải trả trong giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư bao gồm :

Tiền gửi của Nhà đầu tư	5.722.504.077	
Tiền gửi thanh toán bù trừ (của nhà đầu tư)	5.162.682.219	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		10.932.178.234
Lãi tiền gửi của nhà đầu tư (dư nợ)		(81.264.967)
Thuế TNCN nhà đầu tư		33.776.932
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		496.097
Cộng	10.885.186.296	10.885.186.296

14. Doanh thu

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.750.490.324	2.754.720.553
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán. góp vốn	1.087.559.372	57.352.900
Doanh thu hoạt động tư vấn	140.000.000	800.698.052
Doanh thu lưu ký chứng khoán	151.602.993	4.510.487
Doanh thu khác	11.956.590.363	15.417.890.690
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
Tổng	16.086.243.052	19.035.172.682

15. Chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp :

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động kinh doanh	25.108.289.211	17.175.565.073
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.752.012.790	4.010.607.605
Tổng	27.860.302.001	21.186.172.678

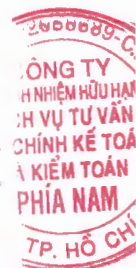
16. Những thông tin khác

Thay đổi chung về chính sách kế toán của Nhà nước :

- Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ và các khoản mục công nợ có gốc ngoại tệ được áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi. bảo hành sản phẩm hàng hóa công trình xây lắp tại doanh nghiệp theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 do Bộ Tài chính ban hành. Riêng dự phòng tổn thất đầu tư tài chính cho Công ty chứng khoán hiện vẫn chưa có qui định cụ thể nên Công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán căn cứ Quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Quản lý tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo quy định của Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Thông tin về hoạt động liên tục:

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ Phần Chứng khoán PHÚ GIA được lập trên cơ sở công ty vẫn sẽ tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tiếp theo.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA

Địa chỉ : Lầu 8-9, Tòa nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Số liệu so sánh :

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

TP. HCM ngày 11 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Hồng Loan

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Trung

